SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ NHỮNG THÁCH THỨC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM HIỆN NAY

Phạm Văn Nam
Trường Kinh doanh Đại học Kinh tế TP. HCM
Emaill: pvnam1966@ueh.edu.vn

Tóm tắt: *Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo tạo sinh (Generative Artificial Intelligence – GenAI) đang làm thay đổi sâu sắc phương thức dạy, học và kiểm tra, đánh giá trong giáo dục đại học. Các công cụ AI có khả năng tạo lập văn bản, phân tích tình huống, giải quyết bài toán và xây dựng những sản phẩm học thuật tương đối hoàn chỉnh trong thời gian ngắn. Bên cạnh những lợi ích đối với hoạt động học tập, khả năng này đặt ra thách thức đáng kể đối với tính xác thực và độ tin cậy của kết quả đánh giá, đặc biệt khi sinh viên sử dụng AI để hoàn thành bài kiểm tra, bài tập hoặc bài thi kết thúc học phần mà không thực sự thực hiện những hoạt động nhận thức tương ứng. Bài viết nhận diện những nguy cơ và bất cập trong hoạt động kiểm tra, đánh giá tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam, đề xuất mô hình đánh giá kết hợp giữa năng lực thực hiện độc lập, quá trình tư duy và khả năng sử dụng AI có trách nhiệm; nhằm đo lường được năng lực thực chất của người học trong bối cảnh AI ngày càng trở thành một bộ phận của môi trường nghề nghiệp.*

Từ khóa: *Trí tuệ nhân tạo tạo sinh; Giáo dục đại học; Kiểm tra đánh giá; Năng lực người học; Chất lượng đào tạo.*

THE DEVELOPMENT OF ARTIFICIAL INTELLIGENCE AND CHALLENGES TO STUDENT LEARNING ASSESSMENT IN CONTEMPORARY VIETNAMESE HIGHER EDUCATION

Abstract: *The rapid development of generative artificial intelligence (GenAI) is profoundly transforming teaching, learning, and assessment practices in higher education. AI-powered tools can generate texts, analyze case studies, solve problems, and produce relatively comprehensive academic outputs within a short period of time. Despite their potential benefits for learning, these capabilities pose significant challenges to the authenticity and reliability of assessment results, particularly when students rely on AI to complete assignments, tests, or end-of-course examinations without engaging in the corresponding cognitive processes. This paper identifies the risks and shortcomings associated with current assessment practices in Vietnamese higher education institutions and proposes an integrated assessment model that combines independent performance, evidence of cognitive processes, and responsible AI use. The proposed model aims to assess students' actual competencies in a context where AI is becoming increasingly integrated into professional environments.*

Keywords: *Generative artificial intelligence; Higher education; Learning assessment; Student competencies; Educational quality.*

Nhận bài: 10/09/2026 Phản biện: 10/10/2026 Duyệt đăng: 15/10/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong lịch sử phát triển của giáo dục, sự xuất hiện của những công nghệ mới luôn tạo ra những thay đổi đối với phương thức truyền đạt tri thức, tổ chức hoạt động học tập và kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo. Những năm gần đây sự phát triển của trí tuệ nhân tạo, đặc biệt là AI tạo sinh, đang đặt ra những vấn đề có tính chất khác biệt so với các công nghệ hỗ trợ giáo dục trước đây. Nếu các công cụ công nghệ truyền thống chủ yếu giúp người học tìm kiếm, lưu trữ, xử lý và trao đổi thông tin thì AI tạo sinh có khả năng trực tiếp tham gia vào những hoạt động vốn được xem là biểu hiện của năng lực trí tuệ con người, như phân tích vấn đề, tổng hợp tri thức, xây dựng lập luận, đề xuất phương án giải quyết và trình bày kết quả nghiên cứu. Đối với giáo dục đại học, sự thay đổi này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi mục tiêu đào tạo không chỉ là giúp sinh viên tiếp nhận kiến thức mà còn hình thành năng lực tư duy độc lập, tư duy phản biện, khả năng vận dụng kiến thức và giải quyết những vấn đề chuyên môn trong thực tiễn. Hiện nay nhiều phương thức kiểm tra, đánh giá truyền thống vẫn dựa trên giả định rằng sản phẩm học tập do sinh viên nộp phản ánh tương đối trực tiếp kiến thức, kỹ năng và năng lực tư duy của chính người học. Giả định này đang trở nên thiếu vững chắc khi sinh viên có thể sử dụng AI để tạo ra những sản phẩm học thuật có chất lượng hình thức cao mà không nhất thiết phải trải qua đầy đủ quá trình nhận thức tương ứng. Tình huống trên cho thấy một nghịch lý đang hình thành trong hoạt động đào tạo là chất lượng biểu hiện bên ngoài của sản phẩm học tập có thể gia tăng, trong khi năng lực thực chất của người học

không tăng tương ứng, thậm chí có nguy cơ suy giảm nếu việc sử dụng AI thay thế thường xuyên cho hoạt động tư duy độc lập. Vấn đề này không chỉ ảnh hưởng đến việc đánh giá kết quả học tập của từng sinh viên mà còn tác động đến toàn bộ hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục đại học. Khi điểm số không còn phản ánh chính xác năng lực người học, những thông tin được sử dụng để đánh giá hiệu quả giảng dạy, mức độ đạt chuẩn đầu ra và chất lượng chương trình đào tạo cũng có nguy cơ bị sai lệch.

II. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Một số khái niệm cơ bản

Trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong giáo dục đại học: Trí tuệ nhân tạo tạo sinh là nhóm công nghệ AI có khả năng tạo ra nội dung mới dưới nhiều hình thức như văn bản, hình ảnh, mã lập trình và các sản phẩm đa phương tiện dựa trên những mô hình được huấn luyện từ dữ liệu. Trong giáo dục đại học, AI tạo sinh có thể đảm nhận nhiều vai trò khác nhau như công cụ tìm kiếm và tổng hợp thông tin, trợ lý học tập, công cụ phản hồi, hỗ trợ nghiên cứu và giải quyết vấn đề. Việc sử dụng AI không đương nhiên đồng nghĩa với gian lận học thuật. Hành vi có vi phạm hay không phụ thuộc vào quy định của hoạt động đánh giá, phạm vi được phép sử dụng AI và mức độ trung thực trong việc công bố sự hỗ trợ của công nghệ.

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trong giáo dục đại học: Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập là quá trình thu thập, phân tích và diễn giải bằng chứng nhằm xác định mức độ đạt được mục tiêu học tập và chuẩn đầu ra của người học. Theo cách tiếp cận đánh giá vì học tập và đánh giá kết quả học tập, hoạt động đánh giá vừa có chức năng hỗ trợ cải thiện quá trình học tập, vừa có chức năng xác nhận mức độ đạt được những yêu cầu của chương trình đào tạo. Về bản chất, một hoạt động đánh giá có chất lượng cần đáp ứng các yêu cầu cơ bản về tính giá trị, độ tin cậy, tính công bằng và tính khả thi. Trong đó, tính giá trị đặc biệt quan trọng, kết quả đánh giá phải cung cấp được bằng chứng phù hợp cho những kết luận về kiến thức, kỹ năng hoặc năng lực cần đo lường. Sự xuất hiện của AI tạo sinh làm nảy sinh một vấn đề mới, một bài làm có chất lượng cao chưa chắc cung cấp bằng chứng đầy đủ về năng lực của người nộp bài.

Liêm chính học thuật và tính xác thực của kết quả đánh giá: Liêm chính học thuật thể hiện ở sự trung thực, trách nhiệm và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong hoạt động học tập, nghiên cứu và đánh giá. Trong môi trường AI, liêm chính học thuật không chỉ liên quan đến hành vi sao chép hoặc đạo văn theo nghĩa truyền thống, mà còn liên quan đến việc trình bày sai lệch mức độ đóng góp trí tuệ của người học đối với sản phẩm được đánh giá.

2.2. Khung lý thuyết nghiên cứu

Thứ nhất, lý thuyết về tính giá trị của đánh giá giáo dục. Theo Messick (1989), tính giá trị liên quan đến cơ sở bằng chứng và lập luận cho việc diễn giải, sử dụng kết quả đánh giá. Theo cách tiếp cận này, điểm số chỉ có ý nghĩa khi có đủ cơ sở để kết luận rằng nó phản ánh năng lực cần đánh giá. Thứ hai, lý thuyết học tập kiến tạo. Hoạt động học tập được xem là quá trình người học chủ động xây dựng hiểu biết thông qua tương tác, giải quyết vấn đề và phản tư. Nếu AI thường xuyên thực hiện thay những hoạt động này, cơ hội hình thành và củng cố năng lực nhận thức có thể bị thu hẹp. Thứ ba, tiếp cận liên kết kiến tạo trong thiết kế chương trình đào tạo. Biggs (1996) nhấn mạnh sự liên kết giữa chuẩn đầu ra, hoạt động dạy học và phương pháp đánh giá. Khi AI làm thay đổi điều kiện thực hiện nhiệm vụ học tập, phương thức đánh giá cũng cần được điều chỉnh để duy trì sự liên kết với năng lực cần hình thành.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính trên cơ sở tổng quan và phân tích tài liệu, kết hợp các phương pháp phân tích – tổng hợp, so sánh và suy luận lý thuyết. Nguồn tài liệu gồm các công trình nghiên cứu về AI trong giáo dục đại học, lý thuyết đánh giá năng lực, liêm chính học thuật, cùng những văn bản quy phạm pháp luật và chính sách có liên quan đến đào tạo đại học tại Việt Nam. Bài viết không sử dụng dữ liệu khảo sát sơ cấp, những nhận định về thực trạng Việt Nam được trình bày dưới dạng phân tích bối cảnh, nhận diện nguy cơ và giả thuyết cần kiểm chứng, không được xem là kết quả thống kê đại diện cho toàn bộ hệ thống giáo dục đại học.

III. NHỮNG TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA VIỆC LẠM DỤNG AI TRONG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Làm suy giảm khả năng phản ánh năng lực thực chất của kết quả đánh giá: Khi AI thực hiện thay nhiệm vụ học tập, sản phẩm không còn phản ánh rõ kiến thức, khả năng phân tích và vận dụng của sinh viên. Nếu chỉ chấm báo cáo cuối cùng mà không kiểm tra khả năng giải thích, người học có thể đạt điểm cao dù chưa đạt yêu cầu. Điều này gây sai lệch phép đo và giảm giá trị của kết quả đối với quản lý đào tạo. Nguy cơ suy giảm năng lực tư duy độc lập và tư duy phản biện: Chuyển toàn bộ quá trình giải quyết vấn đề cho AI có thể hạn chế cơ hội rèn luyện xác định vấn đề, tìm bằng chứng, so sánh, lập luận và tự điều chỉnh nhận thức. Làm gia tăng sự phụ thuộc vào công nghệ trong hoạt động học tập: Câu trả lời nhanh, thuận tiện có thể tạo thói quen dựa vào kết quả có sẵn, giảm thực hành đọc hiểu, viết, tính toán, đánh giá bằng chứng và quyết định độc lập. Làm gia tăng nguy cơ vi phạm liêm chính học thuật và bất bình đẳng trong đánh giá: Bài làm do AI tạo ít trùng lặp khiến kiểm tra đạo văn truyền thống khó nhận diện việc sử dụng trái phép. Chênh lệch khả năng tiếp cận, chất lượng công cụ, kỹ năng và điều kiện kinh tế cũng có thể tạo khác biệt về sản phẩm giữa những sinh viên có năng lực tương đương. Làm sai lệch thông tin phục vụ quản lý và bảo đảm chất lượng đào tạo: Khi AI thay thế nhiệm vụ cốt lõi, thông tin về chuẩn đầu ra có thể thiếu chính xác, gây khó khăn trong nhận diện hạn chế, cải tiến chương trình và xác nhận chất lượng đào tạo.

IV. NHẬN DIỆN NHỮNG THÁCH THỨC TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM HIỆN NAY

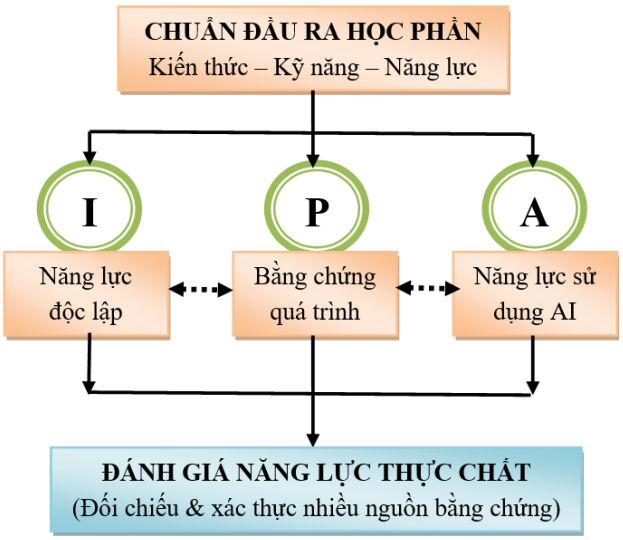
Sự phát triển của AI và khoảng cách với tốc độ đổi mới phương thức đánh giá: AI phát triển nhanh hơn chu kỳ điều chỉnh chương trình, đề cương và quy chế. Nếu vẫn sử dụng các bài luận, báo cáo hoặc câu hỏi dễ được AI xử lý mà thiếu cơ chế xác thực, bằng chứng học tập có nguy cơ giảm giá trị. Những hạn chế của phương thức kiểm tra, đánh giá truyền thống: Đánh giá thường chú trọng sản phẩm cuối cùng, ít bằng chứng quá trình; câu hỏi tái hiện, khuôn mẫu hoặc lặp lại dễ được AI giải quyết. Trong khi đó, lớp đông khiến vấn đáp và thực hành cá nhân tốn nhiều nguồn lực. Những bất cập trong việc xác định ranh giới sử dụng AI hợp lệ: Thiếu hướng dẫn cho từng nhiệm vụ có thể dẫn đến cách xử lý khác nhau giữa giảng viên, gây khó khăn cho sinh viên và ảnh hưởng tính minh bạch, công bằng. Vấn đề kiểm soát chất lượng đánh giá trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam: Điều 9 Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT đặt ra yêu cầu nghiêm túc, khách quan, tin cậy, trung thực, công bằng và quy định về đánh giá trực tuyến, trách nhiệm của cơ sở đào tạo. Trong môi trường AI, cần cụ thể hóa thành cơ chế xác thực năng lực, đồng bộ với chuẩn đầu ra, thiết kế học phần và bảo đảm chất lượng.

V. GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM

Chuyển từ đánh giá sản phẩm sang đánh giá năng lực và quá trình hình thành sản phẩm: Kết hợp chất lượng sản phẩm với bằng chứng quá trình và khả năng giải thích, bảo vệ, điều chỉnh kết quả để xác định mức độ hiểu, kiểm soát và trách nhiệm của sinh viên. Thiết kế hệ thống đánh giá phân biệt năng lực độc lập và năng lực sử dụng AI: Kết hợp nhiệm vụ độc lập trong điều kiện kiểm soát với nhiệm vụ cho phép AI, đánh giá khả năng khai thác, kiểm chứng và vận dụng công nghệ, tránh đồng nhất kỹ năng AI với năng lực chuyên môn. Đa dạng hóa hình thức đánh giá theo đặc điểm của từng học phần: Căn cứ chuẩn đầu ra để kết hợp kiểm tra trực tiếp, vấn đáp, thực hành, tình huống giới hạn thời gian với dự án, mô phỏng, thuyết trình và bảo vệ sản phẩm. Áp dụng nguyên tắc công khai mức độ sử dụng AI trong từng nhiệm vụ đánh giá: Quy định phạm vi cho phép trong đề cương hoặc hướng dẫn bài tập, kèm tiêu chí và minh chứng tương ứng. Tăng cường đánh giá trực tiếp và xác thực năng lực cá nhân: Duy trì tỷ trọng phù hợp của vấn đáp, thực hành, xử lý tình huống mới và bảo vệ sản phẩm đối với năng lực cốt lõi; yêu cầu giải thích lựa chọn, xử lý thông tin thay đổi và phản biện kết luận. Xây dựng cơ chế đánh giá dựa trên bằng chứng quá trình: Thu thập đề cương, bản thảo, nhật ký, tài liệu đã kiểm chứng và giải trình điều chỉnh. Khi dùng AI, sinh viên công bố mục đích, công đoạn được hỗ trợ và quyết định tự thực hiện; đối chiếu các minh chứng với sản phẩm và khả năng giải thích.

VI. ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH ĐÁNH GIÁ TÍCH HỢP TRONG MÔI TRƯỜNG AI

Trên cơ sở những phân tích trên, bài viết đề xuất mô hình đánh giá tích hợp ba thành tố, gọi tắt là mô hình IPA (Independent Performance – Process Evidence – AI-enabled Competence).



Hình 1: Mô hình đánh giá IPA (tác giả đề xuất)

Thành tố I – Đánh giá năng lực thực hiện độc lập: Xác định khả năng tự vận dụng kiến thức, kỹ năng và tư duy qua kiểm tra trực tiếp, vấn đáp, thực hành và tình huống có kiểm soát, cung cấp bằng chứng về những năng lực người học phải tự thực hiện. Thành tố P – Đánh giá bằng chứng quá trình: Xem xét việc xác định vấn đề, lựa chọn phương pháp, thu thập bằng chứng, điều chỉnh và phản biện lập luận; phân biệt công đoạn sinh viên thực hiện với phần AI hỗ trợ. Thành tố A – Đánh giá năng lực sử dụng AI: Đánh giá khả năng xây dựng yêu cầu, kiểm chứng thông tin, nhận diện sai sót, hiểu giới hạn công cụ và quyết định có trách nhiệm. Trọng số tùy chuẩn đầu ra: ưu tiên I ở học phần nền tảng, P ở dự án và tăng A khi phù hợp với nhiệm vụ ứng dụng công nghệ. Với năng lực cốt lõi, có thể quy định ngưỡng tối thiểu ở I để điểm sử dụng AI không bù đắp thiếu hụt năng lực độc lập. Ba hàm ý chính sách gồm: Thứ nhất, chuyển trọng tâm từ phát hiện gian lận sang quản trị chất lượng, coi tính xác thực của bằng chứng là yêu cầu bảo đảm chất lượng. Thứ hai, liên kết đổi mới đánh giá với chuẩn đầu ra và dạy học, thu thập bằng chứng trực tiếp về tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và quyết định độc lập. Thứ ba, phát triển kỹ năng sử dụng AI nhưng phân biệt với năng lực chuyên môn, bảo đảm công nghệ hỗ trợ phát triển năng lực và duy trì trách nhiệm nhận thức, nghề nghiệp.

VII. KẾT LUẬN

AI tạo sinh hỗ trợ học tập nhưng có thể khiến điểm số thiếu chính xác khi thay thế quá trình tư duy trong những nhiệm vụ chưa được thiết kế, kiểm soát phù hợp. Các nguy cơ gồm suy giảm tư duy độc lập, phụ thuộc công nghệ, vi phạm liêm chính và sai lệch thông tin về chuẩn đầu ra, chất lượng đào tạo. Giáo dục đại học Việt Nam cần đổi mới đánh giá để bảo đảm trung thực, khách quan, công bằng và tin cậy, chú trọng khả năng hiểu, kiểm chứng, giải thích và chịu trách nhiệm của người học. Trong môi trường AI, tư duy độc lập, phán đoán và trách nhiệm trí tuệ vẫn là giá trị cốt lõi của giáo dục đại học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Biggs, J. (1996). Enhancing teaching through constructive alignment. Higher Education, 32, 347–364. https://doi.org/10.1007/BF00138871

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

Đào, T. L., Trần, T., & Trịnh, T. H. (2021). Công nghệ và giáo dục. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

Messick, S. (1989). Validity. In R. L. Linn (Ed.), Educational measurement (3rd ed., pp. 13–103). American Council on Education/Macmillan.

Oliva, P. F. (2006). Developing the curriculum (Nguyễn Kim Dung, dịch). Nhà xuất bản Giáo dục.

UNESCO. (2021). Recommendation on the ethics of artificial intelligence. https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000381137